



Gian lận- Biện pháp phòng ngừa gian lận

Chương 2



GV: Trần thị Giang Tân

Nội dung

- o Định nghĩa
 - o Các công trình nghiên cứu gian lận kinh điển
 - o Công trình nghiên cứu gian lận của ACFE
 - o Các biện pháp ngăn ngừa và phát hiện gian lận
 - o Các phương pháp gian lận trên BCTC
-

Định nghĩa

- o Gian lận là hành vi dối trá, mách khoé, lừa lọc người khác. Còn sai sót là khuyết điểm không lớn, do sơ suất gây ra.
 - o Hiểu theo nghĩa rộng, gian lận là việc thực hiện các hành vi không hợp pháp nhằm lường gạt, dối trá để thu được một lợi ích nào đó.
-

Gian lận trên BCTC

- o Một cá nhân hay tổ chức cố ý trình bày sai một yếu tố hay sự kiện quan trọng.
 - o Việc trình bày sai sẽ làm cho người bị hại (cá nhân hay tổ chức) tin vào điều đó.
 - o Người bị hại đã dựa vào sự trình bày sai đó để ra quyết định, và
 - o Họ phải gánh chịu các thiệt hại về tài sản do quyết định trên.
-

Gian lận

Gian lận là một loại tội phạm, có 3 cách đối phó:

- o Ngăn ngừa
 - o Phát hiện
 - o Trừng phạt
-

Nghiên cứu về gian lận

Edwin H Surtherland (1883-1950)

Donald R Cressy (1950)

Dr. W . Steve Albrecht (1980)

Richard C. Holliger (1983)

ACFE (1994-2004)

Edwin H Surtherland (1883-1950)

Nhà tội phạm học của Indiana University

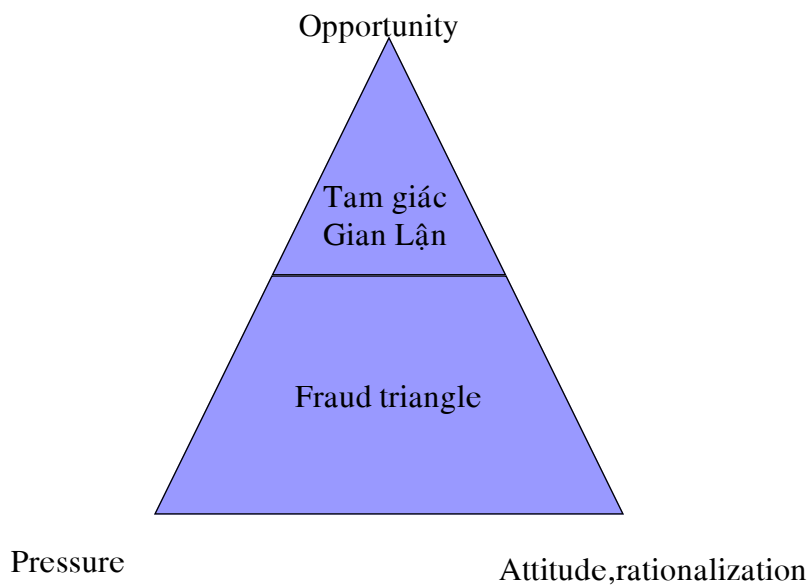
- Tập trung vào nhóm cổ cồn (**White collar**) (1939)
 - Xây dựng lý thuyết về phân loại xã hội. Kết luận chính tập trung trên 2 lĩnh vực :
 - ++ Người phạm tội không thể thực hiện nếu không có sự tác động của yếu tố bên ngoài.
 - ++“Tội phạm học cũng cần phải được nghiên cứu bài bản, giống như toán học, lịch sử hay ngoại ngữ”.
- “Một tổ chức mà có các nhân viên không lương thiện sẽ ảnh hưởng ngay đến các nhân viên lương thiện”.
-

Donald R. Cressey (1919-1987)

- Tập trung phân tích gian lận dưới góc độ tham ô và biển thủ
 - Xây dựng mô hình Tam giác gian lận (*Fraud Triangle*)
 - Là sáng lập viên của hiệp hội các chuyên gia phát hiện gian lận (ACFE)
-



Tam giác gian lận - Donald R Cressy



Tam giác gian lận

1. Áp lực :

- Khó khăn về tài chính
 - Hậu quả từ thất bại cá nhân
 - Các khó khăn về kinh doanh
 - Bị cô lập
 - Muốn ngang bằng với người khác
 - Quan hệ giữa chủ - thợ
-

Tam giác gian lận

2. Cơ hội

- o Nắm bắt thông tin
 - o Kỹ năng thực hiện
-

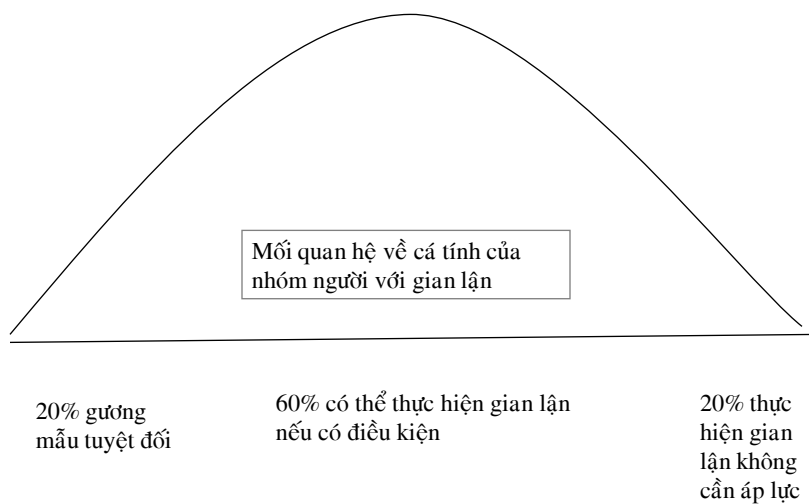
Tam giác gian lận

o 3. *Thái độ, cá tính*

- Gian lận phụ thuộc rất nhiều vào thái độ hay cá tính của từng cá nhân.

“ the first time we do smething contrary to ours morals, it bothers us. As we repeat the act, it becomes easier “

“ I”ll pay the money back”



Association of certified fraud examiners 1996

Dr. W . Steve Albrecht (Brigham Young university)
Keith Howe , Marshall Rommey

Xuất bản tác phẩm “Deterring fraud: the internal auditor perspective “

- o Phân tích 212 trường hợp gian lận vào 1980 theo yêu cầu của viện nghiên cứu KTV nội bộ
- o Đưa ra danh sách về 50 trường hợp báo động (red flags) về khả năng xuất hiện gian lận liên quan đến áp lực, cơ hội ,các biến số về tính lương thiện..
- o Các biến số này liên quan: đặc điểm của nhân viên và môi trường kiểm soát.

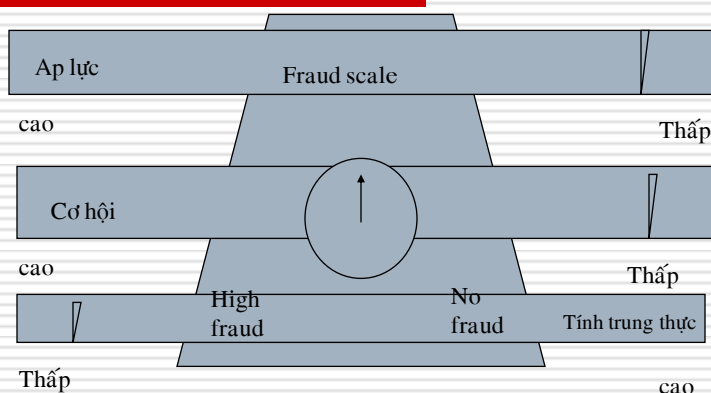
Các đặc điểm của nhân viên

- o Sống dưới mức trung bình.
- o Nợ nần cao.
- o Quá mong muốn có thu nhập cao.
- o Có mối liên hệ thân thiết với khách hàng hay nhà cung cấp.
- o Cảm giác được trả lương không tương xứng với sự đóng góp.
- o Mối quan hệ không tốt giữa chủ - thợ.
- o Có mong muốn chứng tỏ là họ có thể vượt qua được sự kiểm soát của tổ chức.
- o Có thói quen cờ bạc.
- o Chịu áp lực từ/hay phụ thuộc gia đình quá mức.
- o Không được ghi nhận thành tích.

Đặc điểm của tổ chức

- o Đặt quá nhiều lòng tin vào nhân viên chủ chốt.
- o Thiếu thủ tục phê chuẩn thích hợp.
- o Không yêu cầu công bố đầy đủ các khoản đầu tư và thu nhập cá nhân.
- o Không tách biệt chức năng bảo quản tài sản và phê chuẩn.
- o Thiếu kiểm tra hay soát xét độc lập việc thực hiện.
- o Không theo dõi chi tiết các hoạt động.
- o Không tách biệt chức năng bảo quản tài sản với kế toán.
- o Không tách biệt một số chức năng về kế toán.
- o Thiếu chỉ dẫn rõ ràng về nhiệm vụ và quyền hạn.
- o Thiếu sự giám sát của kiểm toán nội bộ.

Bàn cân gian lận của Dr. W. Steve Albrecht



Richard C. Holliger & Clark (1983)

- Xuất bản tác phẩm “Khi nhân viên ăn cắp” (1983), Nghiên cứu với cỡ mẫu là hơn 10.000 nhân viên làm việc tại Hoa Kỳ.
- Đã đưa ra một kết luận khác biệt so với mô hình tam giác gian lận của Cressey.
- o Nguyên nhân chủ yếu của gian lận là điều kiện làm việc.
- o Tìm ra mối liên hệ giữa thu nhập, tuổi tác, vị trí và mức độ hài lòng trong công việc với tình trạng biển thủ.

Richard C. Holliger & Clark (1983)

Biện pháp ngăn ngừa những hành vi ăn cắp trong tổ chức:

- o Quy định rõ ràng những hành vi không được chấp nhận trong tổ chức.
 - o Không ngừng phổ biến những thông tin hữu ích, những qui định của tổ chức cho toàn thể nhân viên.
 - o Thực hiện việc phê chuẩn trong thực tế.
 - o Công khai các phê chuẩn.
-

Công trình nghiên cứu của ACFE

ACFE

- o Thành lập vào 1988, là tổ chức đầu tiên trên thế giới nghiên cứu về gian lận
 - o Bao gồm các những chuyên gia về chống gian lận (*CFE - Certified Fraud Examiners*).
 - o Đến năm 2008, ACFE có hơn 45.000 thành viên ở hơn 125 quốc gia.
 - o CFE là chuyên gia về bốn lĩnh vực là gian lận trên BCTC, điều tra về gian lận, trách nhiệm pháp lý đối với gian lận và tội phạm học.
 - o Hơn 50% CFE là kiểm toán viên nội bộ hay là các chuyên gia về chống gian lận, khoảng 17% là kế toán viên, 10% là các chuyên gia pháp lý. Trung bình các CFE có trên 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chống gian lận, hơn 60% có kinh nghiệm trực tiếp hay gián tiếp về gian lận.
-

Thống kê thiệt hại do gian lận gây ra

Năm 2004

- o Tổng thất bằng 6% GDP, với GDP của Hoa Kỳ năm 2004 là 10.000 tỷ USD, mỗi năm bị thiệt hại trên 600 tỷ USD

Năm 2008

Tổng thất bằng 7% GDP, với GDP của Hoa Kỳ năm 2008 là 14.196 tỷ USD, tổng thất do gian lận gây ra tương đương 994 tỷ USD. Tổng thất bình quân của một vụ gian lận là 175.000 USD. Trong đó, trên 25% trường hợp gian lận gây tổn thất ít nhất là 1 triệu USD. Trong số các loại gian lận, gian lận trên báo cáo tài chính gây ra thiệt hại nhiều nhất, bình quân 2 triệu USD/vụ.

Kết quả công trình nghiên cứu

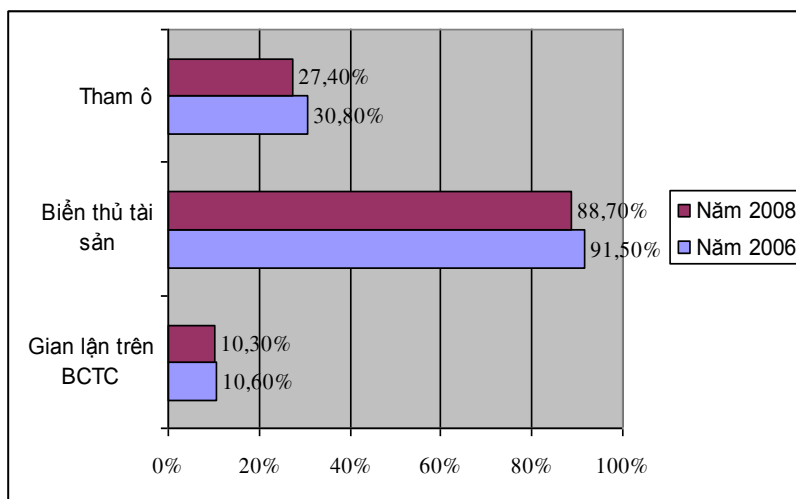
- o Loại gian lận
 - o Người thực hiện gian lận
 - o Thời gian để phát hiện gian lận
 - o Gian lận theo giới tính
 - o Gian lận theo loại hình tổ chức
 - o Gian lận theo quy mô tổ chức
-

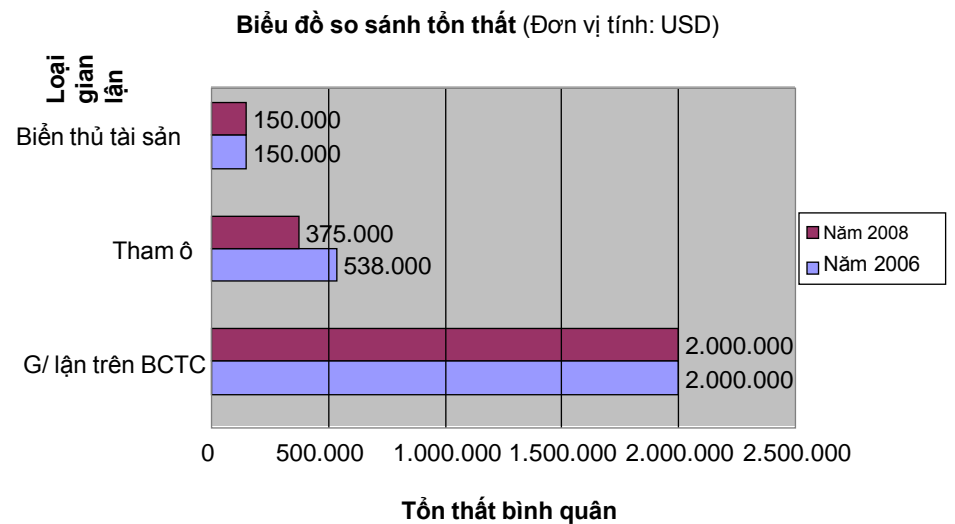
Loại gian lận

- o Tham ô
 - o Biếm thủ
 - o Gian lận trên BCTC
-



Loại gian lận	Năm 2002		Năm 2004		Năm 2006		Năm 2008	
	Tỷ lệ (%)	Thiệt hại (USD)	Tỷ lệ (%)	Thiệt hại (USD)	Tỷ lệ (%)	Thiệt hại (USD)	Tỷ lệ (%)	Thiệt hại (USD)
Biển thủ, lạm dụng tài sản	85,7	80.000	92,7	93.000	91,5	150.000	88,7	150.000
Tham ô	12,8	530.000	30,1	250.000	30,8	538.000	27,4	375.000
Gian lận trên báo cáo tài chính	5,1	4.250.000	7,9	1.000.000	10,6	2.000.000	10,3	2.000.000

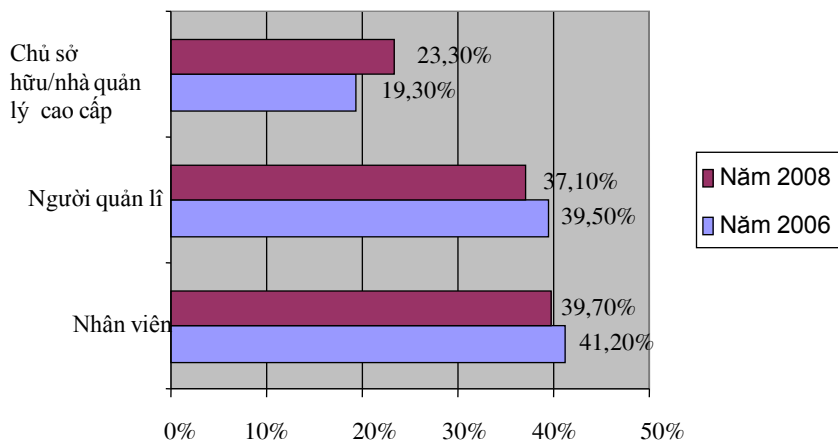




Người thực hiện gian lận,
số tháng phát hiện và giới tính



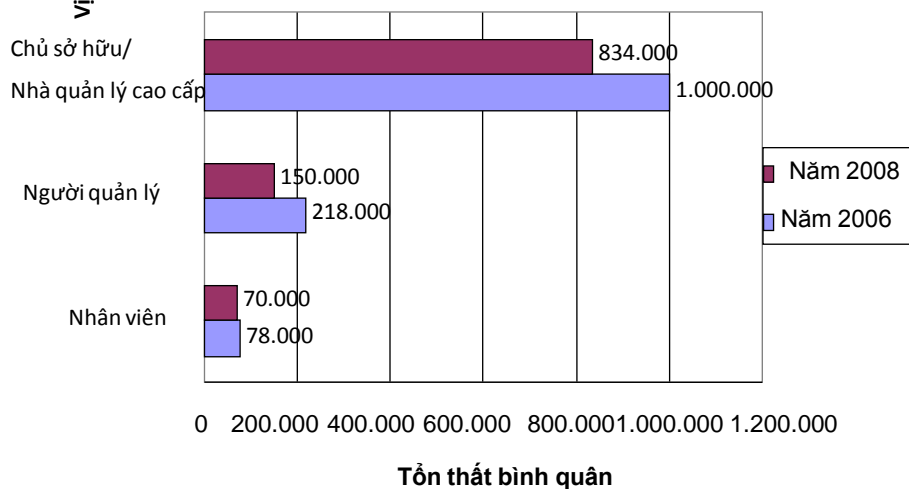
Người thực hiện gian lận

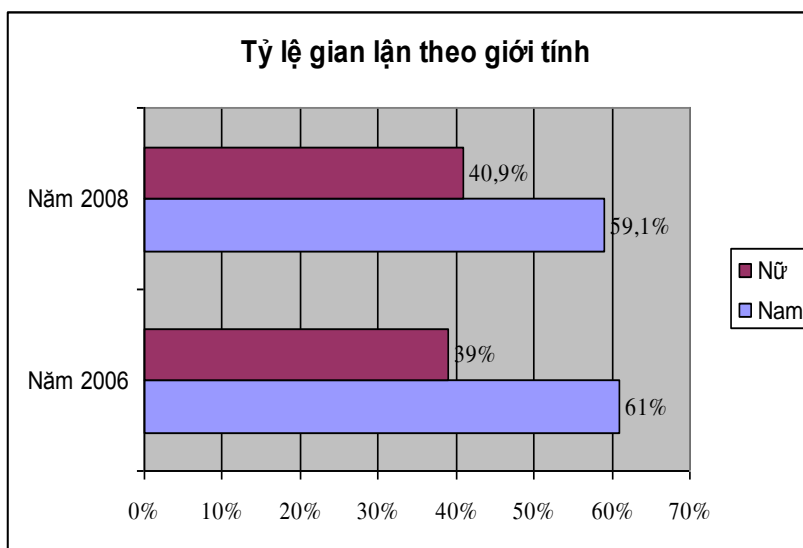
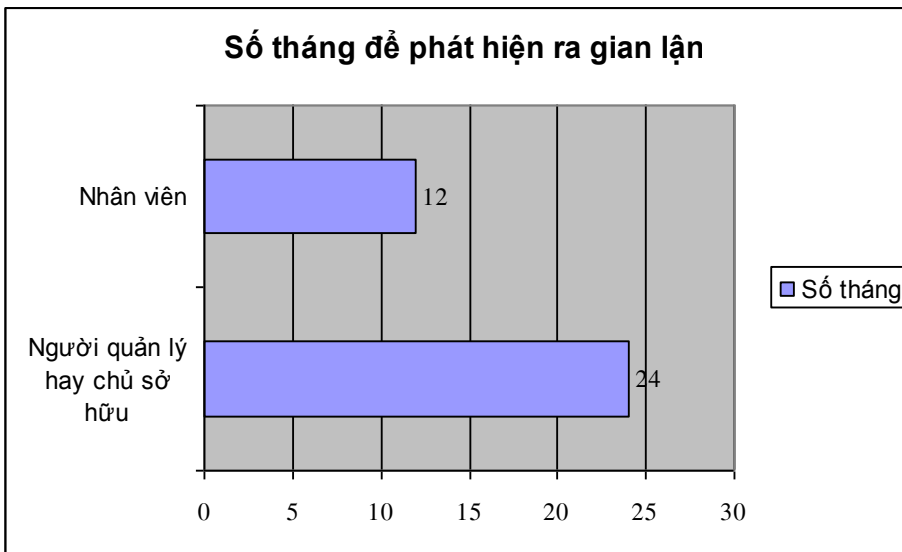


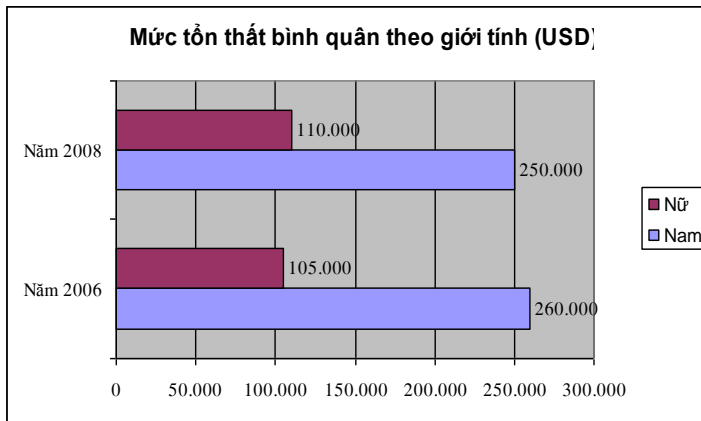
Vị trí công tác

Biểu đồ so sánh tổn thất theo nhóm người thực hiện

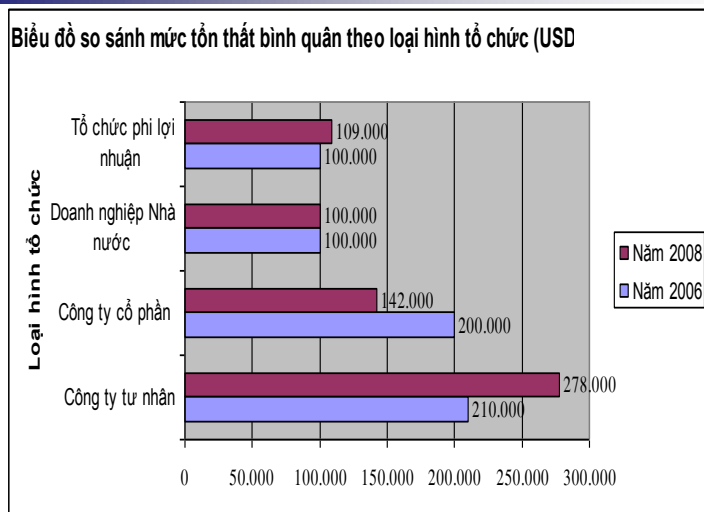
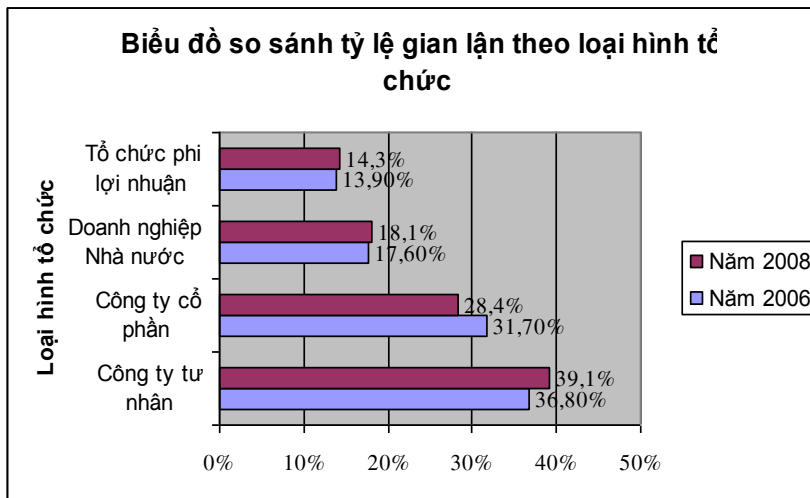
(Đơn vị tính: USD)

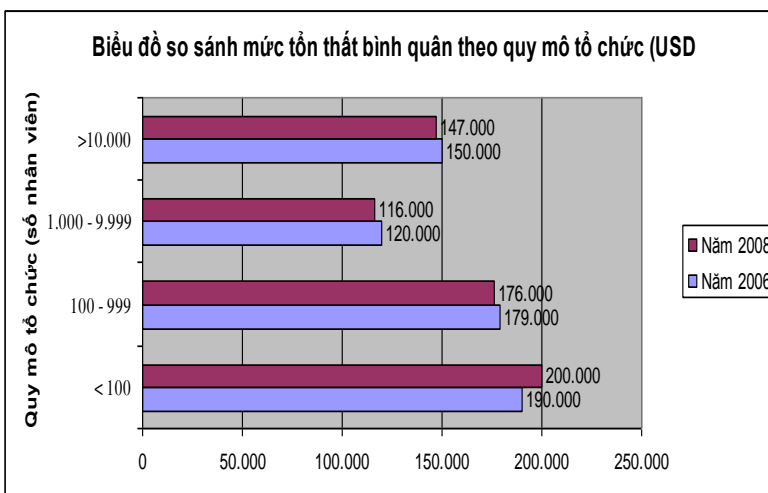
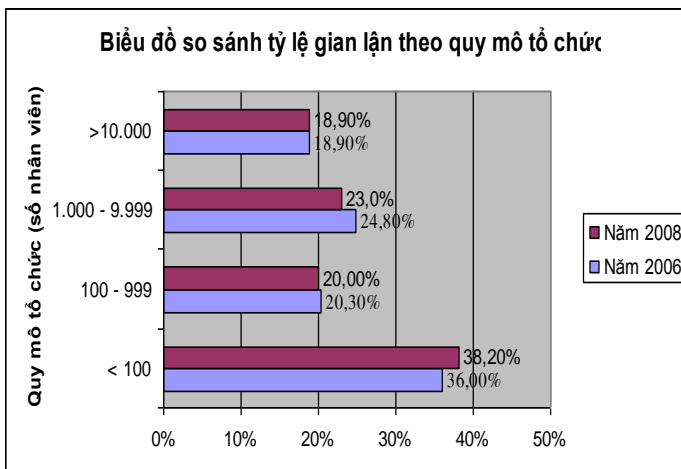






n Gian lận theo loại hình tổ chức
& quy mô tổ chức



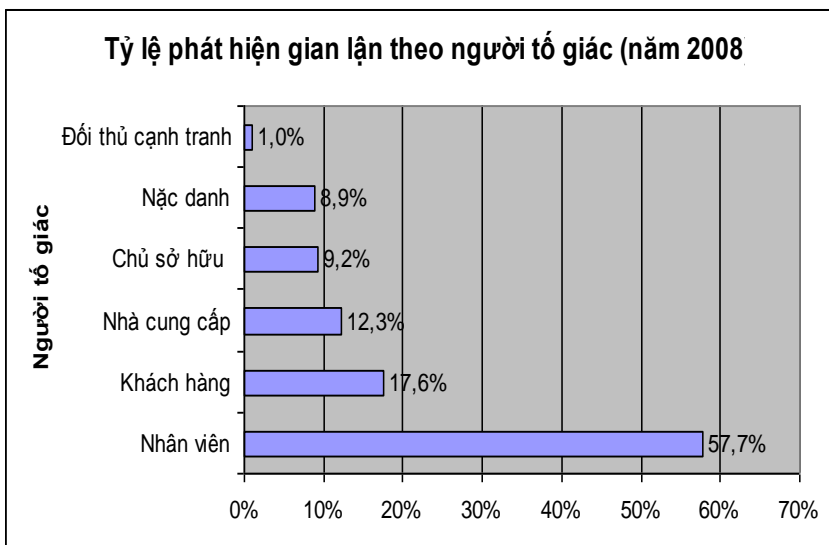




Người phát hiện gian lận



Năm 2008	Doanh nghiệp Nhà nước	Công ty cổ phần	Doanh nghiệp tư nhân	Tổ chức phi lợi nhuận
Kiểm toán nội bộ	26,80 %	21,70 %	15,20 %	14,25 %
Tổ giám của nhân viên, nhà cung cấp, khách hàng	50,30 %	54,10 %	38,40 %	48,80 %
Sự tình cờ	16,60 %	11,90 %	31,10 %	10,70 %
Kiểm soát nội bộ	19,70 %	27,00 %	20,10 %	24,80 %
Kiểm toán độc lập	9,60 %	4,15 %	10,10 %	14,90 %
Cảnh sát	5,10 %	2,50 %	4,00 %	1,70 %



Biện pháp ngăn ngừa và phát hiện gian lận

Các biện pháp sử dụng	Tỷ lệ
Kiểm toán độc lập	69,6 %
Xây dựng chuẩn mực đạo đức	61,5 %
Kiểm toán nội bộ	55,8 %
Kiểm tra độc lập về báo cáo tài chính do Hệ thống KSNB xây dựng	53,6 %
Sự soát xét của người quản lý về báo cáo tài chính	51,6 %
Chương trình nâng cao nhận thức cho nhân viên về kiểm soát	52,9%
Thành lập Ủy ban kiểm toán	49,9 %
Thiết lập đường dây nóng	43,5 %
Soát xét định kỳ của kiểm soát nội bộ	41,4 %
Huấn luyện về chống gian lận cho bộ phận quản lý	41,3 %
Huấn luyện về chống gian lận cho nhân viên	38,6 %
Ban hành chính sách chống gian lận	36,2 %
Kiểm tra đột xuất	25,2 %
Luân chuyển nhân sự	12,3 %
Thưởng cho người phát hiện gian lận	5,4 %

Biện pháp	Tỷ lệ % tổ chức có thực hiện	Mức tổn thất ở tổ chức có thực hiện (USD)	Mức tổn thất ở tổ chức không thực hiện (USD)	Tỷ lệ giảm thiểu tổn thất (%)
Kiểm tra đột xuất	25,5	70.000	207.000	66,2
Luân chuyển nhân sự	12,3	64.000	164.000	61,0
Đường dây nóng	43,5	100.000	250.000	60,0
Chương trình nâng cao nhận thức cho nhân viên về kiểm soát	52,9	110.000	250.000	56,0
Huấn luyện về chống gian lận cho người quản lý	41,3	100.000	208.000	51,9
Kiểm toán nội bộ	55,8	118.000	250.000	52,8
Huấn luyện về chống gian lận cho nhân viên	38,6	100.000	208.000	51,9
Ban hành chính sách chống gian lận	36,2	100.000	197.000	49,2
Kiểm tra độc lập của kiểm soát nội bộ về báo cáo tài chính	53,6	121.000	232.000	47,8
Xây dựng Chuẩn mực đạo đức	61,5	126.000	232.000	45,7
Sự soát xét định kỳ của kiểm soát nội bộ	41,4	110.000	200.000	45,0
Kiểm toán độc lập	69,6	150.000	250.000	40,0
Thành lập Ủy ban kiểm toán	49,9	137.000	200.000	31,5
Soát xét của người quản lý về báo cáo tài chính	51,6	141.000	200.000	29,5
Thưởng cho người phát hiện gian lận	5,4	107.000	150.000	28,7



Biểu hiện gian lận

1. Gian lận tài sản

Gian lận tiền

Gian lận tài sản phi tiền tệ

2. Gian lận trên BCTC



Gian lận tài sản

n Gian lận tiền

+ Thu tiền

+ Chi tiền

Gian lận tài sản khác

Loại gian lận Thu tiền	Mô tả	Ví dụ	Số vụ bị phát hiện	% tài sản	Mức tổn thất bình quân/vụ gian lận (USD)
Skimming	Tiền bị đánh cắp trước khi ghi vào sổ	Thu tiền từ khách hàng nhưng không ghi vào sổ bán hàng	159	16,6	80.000
Cash larceny	Tiền bị đánh cắp sau khi ghi vào sổ	Nhận séc hay tiền mặt nhưng không nộp vào quỹ	99	10,3	75.000

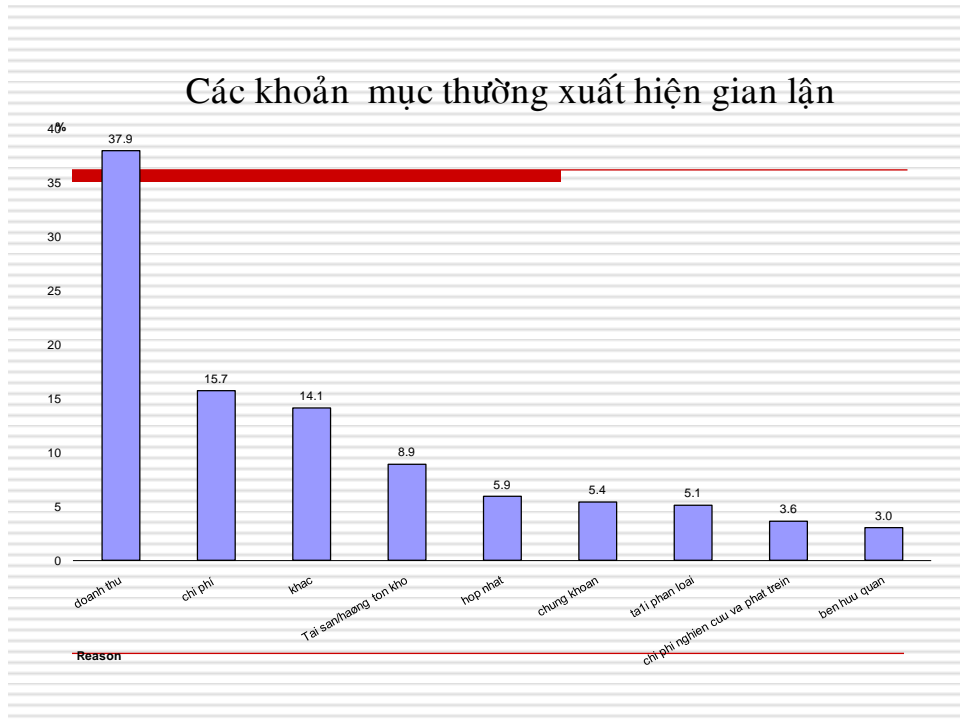
Gian lận chi tiền	Số vụ bị phát hiện	% tài sản	Mức tổn thất bình quân/vụ (USD)
Lập hóa đơn (<i>Billing</i>)	229	23,9	100.000
Thanh toán chi phí không có thật (<i>Expense Reimbursements</i>)	127	13,2	25.000
Gian lận về séc (<i>Check tampering</i>)	141	14,7	138.000
Tiền lương	89	9,3	49.000
Ghi nhận việc chi tiền	27	2,8	26.000
Biến thủ tiền tồn quỹ	121	12,6	35.000



Gian lận trên BCTC



Loại	Trường hợp báo cáo	% trường hợp
Che dấu công nợ	54	45%
Ghi nhận doanh thu không có thật	52	43.3%
Định giá sai tài sản	45	37.5%
Ghi nhận sai niên độ	34	28,3%
Không công bố thông tin quan trọng	56	48%



Che dấu công nợ và chi phí

- Không ghi nhận nợ phải trả và chi phí;
- Vốn hóa các khoản chi phí không được phép vốn hóa;
- Không lập dự phòng phải trả.

Gian lận về doanh thu

- o Phantom sales
 - o Parked Inventory Sales
 - o Swap Transactions
 - o Channel Stuffing
 - o Side Deals
 - o Accelerated Revenue
-

Gian lận về chi phí

- o Vốn hóa chi phí (Capitalizing Expenses)
 - o Trì hoãn chi phí (Deferring Expenses)
 - o Không ghi nhận chi phí (Unrecorded Expenses): chi phí kiện tụng, tranh chấp
 - o Mua hàng ảo
 - o Dự phòng không đúng
-

Gian lận hàng tồn kho

- o Đánh giá hàng tồn kho
 - o Khai khống hàng tồn kho: tạo ra các chứng từ giả như phiếu kiểm hàng, Báo cáo tồn kho, thay đổi chất lượng hàng tồn kho
-

Gian lận Nợ phải thu

- o Khách hàng không có thật
 - o Không lập đầy đủ dự phòng
-

Gian lận về TSCĐ

- o Đánh giá sai tài sản qua hợp nhất.
 - o Ghi sổ những tài sản không có thực, không ghi nhận đúng giá trị tài sản, không vốn hóa đầy đủ chi phí
-